

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH TÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 410/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09/4/2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Trần Thanh Phong

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Tươi

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hiếu, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:***  
Ông Huỳnh Đức Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1496/2018/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2019 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Thái Văn T, sinh năm: 1968

Địa chỉ: Số 108/15 đường H, Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin vắng mặt.

*Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1991

Địa chỉ thường trú: Ấp 18, xã Biền Bạch, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Địa chỉ tạm trú: Số ....đường số 32, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 10 năm 2018 của ông Thái Văn T, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

**Ông Thái Văn T là nguyên đơn trình bày:** Vào năm 2012, ông và bà Trần Thị H sau quá trình tìm hiểu đã tổ chức đám cưới và chung sống với nhau. Đến năm 2017 vợ chồng ông mới tiến hành đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình hai bên không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, nhất là việc nuôi dạy con. Đỉnh điểm vào khoảng tháng 05 năm 2017, sau khi vợ chồng cãi nhau, bà H đã tự ý đưa con đi gửi về quê cho nhà ngoại nuôi dưỡng. Cũng từ đó hai vợ chồng sống ly thân, mặc dù ông nhiều lần làm hòa, đề nghị bà H đưa con lên để vợ chồng đoàn tụ hoặc đưa con cho ông chăm sóc nhưng bà H không đồng ý. Nay ông xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, ông và bà H đã sống ly thân với nhau quá lâu nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Trần Thị H.

Về con chung: có 01 con chung tên là Thái Tuấn, sinh ngày 04/04/2015. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con do ông có đủ điều kiện nuôi con hơn bà H. Hiện nay ông có doanh nghiệp riêng, thu nhập mỗi tháng khoảng 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Thời gian làm việc của ông chủ động nên ông có thể đưa đón con đi học cũng như chăm sóc và dạy dỗ con trai sẽ tốt hơn bà H. Từ tháng 05 năm 2017, bà H không trực tiếp nuôi con mà giao con về quê cho nhà ngoại nuôi, hiện con ông đang được cậu ruột trực tiếp chăm sóc và ông vẫn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận không có.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bên vẫn giữ nguyên ý kiến và có đơn xin vắng mặt. Riêng bị đơn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm các quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T và giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến của ông T về việc không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung xác nhận không có nên không xét đến.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét qua đơn xin ly hôn của ông Thái Văn T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn bà Trần Thị H có nơi cư trú tại số .... Đường số 32, phường Bình Trị Đông B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Thái Văn T có đơn xin vắng mặt, bà Trần Thị H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 và điểm b, khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà H là phù hợp.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà Trần Thị H đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng bà H không đến tòa và cũng không cung cấp ý kiến cho tòa án. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai của đương sự về việc tự nguyện kết hôn với nhau nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét qua yêu cầu xin ly hôn ông Thái Văn T đối với bà Trần Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của nguyên đơn thì trong quá trình chung sống, vợ chồng ông T, bà H đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của ông T là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng cãi vã nhau, nhất là về việc nuôi dạy con. Đỉnh điểm vào khoảng tháng 05 năm 2017, vợ chồng cãi vã nhau sau đó bà H tự ý đưa con đi gửi về quê cho nhà ngoại nuôi dưỡng và vợ chồng cũng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù ông Hiệp đã cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H không đồng ý. Tòa án đã triệu tập bà H đến Tòa để bà H thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho ông T, bà H hàn gắn tình cảm nhưng bà H không đến tòa, không thể hiện thiện chí hòa giải với ông T. Như vậy, hai bên không đảm bảo được “tình nghĩa vợ chồng” theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình là “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà H đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay ông T yêu cầu được ly hôn với bà H, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[6] Về con chung: Ông Thái Văn T yêu cầu được nuôi con chung tên là Thái Tuấn, sinh ngày 04/04/2015. Xét trẻ Tuấn là con trai, nếu được cha chăm sóc, nuôi dưỡng sẽ tốt cho sự phát triển về thể chất, tâm sinh lý của trẻ. Ông T có việc làm ổn định, có thời gian và khả năng tài chính đảm bảo việc nuôi dạy con. Trong thời gian con không sống cùng ông thì ông T vẫn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng. Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T về việc được nuôi con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông Thái Văn T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 2, Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Thái Văn T đối với bà Trần Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Văn T được ly hôn với bà Trần Thị H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 05/01/2017 của Ủy ban nhân dân Phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Thái Văn T và bà Trần Thị H không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Ông Thái Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Thái Tuấn, sinh ngày 04/04/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị H có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này ông T, bà H đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Ông Thái Văn T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Thái Văn T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0030514 ngày 15/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Thái Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thùy Linh**